

Phẩm 13: PHÁT TÂM CÔNG ĐỨC

Dưới đây là phân rõ về đức thắng tiến của phần vị này. Bốn môn giống như trước.

1) Giải thích tên gọi, Phát tâm là nhắc lại Thể của hành, Công đức là do thực hành mà thành tựu Công đức, dựa vào hai nghĩa có được tên gọi.

2) Ý đưa ra. Vì sao đưa ra? Bởi vì công hạnh trước đây đã thành tựu, cho nên nay phân rõ ca ngợi về tướng của đức.

3) Phần lượng công đức là Tông của phẩm này.

4) Phân rõ văn. Văn này có bốn:

a) Hỏi.

b) Đáp.

c) Chứng thành.

d) Kệ tụng.

a) Nguyên cố Đế hỏi: là bởi vì ở cõi trời, cũng chính là Công đức tự tại, nhưng hiểu biết thanh tịnh tự tại mới có thể có được công đức mà thôi. Sở dĩ Bồ-tát Pháp Tuệ nói, là bởi vì tuệ phù hợp với pháp mới cùng tận được công đức.

b) Văn đáp có hai: Một, tóm lược, trong phần này có ba, một là tổng quát, hai là riêng biệt, ba là thừa nhận phạm vi. Phần lượng của giáo khó biết, nghĩa sâu xa khó tin, tư duy khó hiểu được, thuận theo giáo khó nói ra, muốn chứng được khó thông, bởi vì tính ra thì cao nhất cho nên khó phân biệt. Hai, từ “Giả sử...” trở xuống là mở rộng trả lời, văn mở rộng có hai: Một, phân rõ về mười hai dụ; hai, từ “Phát thị tâm dĩ...” trở xuống là hợp dụ. Văn phân rõ mười hai dụ có bốn: 1) Dụ; 2) Nêu ra; 3) Đáp; 4) So sánh. Văn còn lại thì không nhất định.

Trong mười hai dụ có năm: Một là năm giới, hai là mười thiện..., hai loại này chọn lấy lợi ích để làm ví dụ; ba là thân thông tức là nơi sinh có được lợi ích; bốn là biết thành hoại, biết thời gian của pháp; năm là hy vọng của căn bậc Hạ, dụ thứ bảy trình bày về căn khí dày mỏng được lợi ích, một dụ sau trình bày mở rộng về đức của các hành tiến vào phần vị thù thắng.

Thứ hai là Hợp dụ, văn trường hàng phân làm bảy: Một, tổng quát phân rõ về công năng của đức; hai, từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là vặn hỏi về nghĩa ban đầu không phải yếu kém thành tựu thù thắng như nhau; ba, trả lời về nguyên do; bốn, từ “Hà cố...” trở xuống lại vặn hỏi về trước giống như sau; năm, từ “Thử sơ phát tâm...” trở xuống lấy sau thâu

niếp trước; sáu, từ “Tất dữ tam thế chư Như Lai đẳng...” trở xuống là mở rộng phân rõ; bảy, từ “Bỉ sơ phát tâm...” trở xuống là kết luận nhờ vào nhân duyên thù thắng mà thôi. Vả lại, Đắc chứng là chứng được do thực hành, Thân chứng là chứng được do phần vị; Đắc chứng là tương ứng với Trí, Thân chứng là tương ứng với Thân. Trong này đều là đức chân thật của Phổ Hiền.

Lại hỏi: Vì sao các thế giới đều dễ dàng thuận theo tâm của Bồ-tát mà chuyển là thế nào? Đáp: Bởi vì Bồ-tát đạt được tâm tự tại hòa hợp với các nhân duyên, là nhân duyên của các pháp cho nên chuyển theo, điều này nên suy nghĩ chính xác. Vả lại, mười Dục... ở văn trước, hễ có một Dục thiện thì có đủ mười đức trên, còn lại nên theo đúng như vậy. Nhưng sở dĩ Thân chứng nối thông ba đời, là bởi vì văn sau nói Bồ-tát thường không rời xa trước chư Phật ba đời.

c) Văn về mặt đất chấn động thành tựu chứng đắc... có năm: Một, mặt đất chấn động, mưa hoa...; hai, chư Phật cùng chứng có hai có thể biết; ba, lợi ích cho chúng sinh, đạt được lợi ích có ba mà thôi; bốn, Phật khác cùng nói chứng minh thành tựu nghĩa trước, có hai có thể biết; năm, phân rõ về nguyên do thành tựu có mười mà thôi.

Hỏi: Vì sao Phật chứng? Đáp: Vì thắng tiến cho nên nêu ra quả thâm nhiếp thành tựu, nhưng sợ rằng không tin, vì vậy lại biểu thị nhân và quả cùng chung một tánh, việc khác có thể biết.

d) Trùng tụng có hai: Một, trường hàng sinh khởi; hai, kệ tụng. Văn phần một có tám có thể biết. Văn kệ có hai trăm bốn mươi một kệ rưỡi, phân làm bốn: Một, mở rộng ca ngợi phát tâm hiện tại thành tựu công đức; hai, từ “Thập phương thế giới trung...” trở xuống lại nêu ra mười hai dụ trước để thuật rõ công đức khó suy nghĩ được; ba, từ “Tam thế nhân trung tôn...” trở xuống là phân rõ về công năng thành tựu quả này; bốn, từ “Bồ-tát sơ phát tâm...” trở xuống là kết luận. Trong này không thể nào xét định cận kề, nếu cận kề thì lạc mất tôn chỉ. Vả lại, từ phần vị Trú trở đi, tất cả pháp môn như Giải-Hạnh-Lý-Sự-Giáo-Nghĩa... đều thường xuyên thực hành không gián đoạn, nên biết. Lại từ phần vị Tín thành tựu trở đi là hạnh Phổ Hiền, chính là tám tướng cùng với Phật xưa nay hoàn toàn không có sai biệt, điều này nên suy nghĩ, còn lại ng-hĩa-hành... của ba Thừa đều khác biệt không nghi ngờ gì.

Phẩm 14: MINH PHÁP

Bốn môn giống như trên.

1) Giải thích tên gọi. Nói đến Minh Pháp thì có hai: Một là dựa theo giáo, pháp A-hàm soi chiếu lý hiện rõ cho nên gọi là Minh, Pháp tức là nghĩa; hai, dựa theo hành, là bởi vì hành thêm thù thắng hiện bày tướng của phần vị sau. Tức là dùng nghĩa của pháp ở phần vị trước để hiểu rõ công hạnh... làm Minh, dùng nghĩa của giáo ở phần vị sau... làm Pháp.

2) Ý đưa ra. Vì sao đưa ra? Bởi vì dùng đức của hành trước trải qua tu, làm phương tiện cho phần vị sau.

3) Chính là nghĩa về thực hành giáo pháp... là Tông của phẩm này.

4) Phân rõ văn. Sở dĩ Tinh Tiến hỏi là nếu không có hạnh tinh tiến thì không có thể tiếp nhận pháp thắng tiến này. Vì lẽ đó Bồ-tát Pháp Tuệ đáp là Tuệ phù hợp với pháp cho nên có thể nói rõ về giáo này. Văn có ba: Một là hỏi, hai là đáp, ba là cuối cùng một phần trường hàng tóm lược kết luận về lưu thông.

Văn hỏi có hai: Đầu là hỏi, tiếp là trùng tụng. Văn phần đầu có ba: Một, trước là nhắc lại hành đức trong phần vị Trú trước đây làm thứ tự sinh khởi phần vị sau; hai, từ “Bỉ Bồ-tát vân hà tu tập...” trở xuống là chính thức hỏi về hành đức của thời gian trước trong phần vị thắng tiến. Văn phần một nhắc lại có sáu câu có thể biết. Tiếp theo văn hỏi về thắng tiến trong thời gian trước có mười một câu phân làm bốn: Sáu câu đầu là Tự lợi, tiếp theo từ “Tùy kỳ...” trở xuống là ba câu về hạnh Lợi tha, tiếp theo từ “Hưng long...” trở xuống là một câu về trú trì kiến lập, tiếp theo một câu là thành tựu sự việc không hư dối. Ba, pháp thuộc phần Lợi tha ở thời gian sau trong phần vị thắng tiến, có hai: Đầu là tổng quát, sau là riêng biệt. Văn về riêng biệt có ba: Một, trình bày về đức thành thực, văn này có hai: Một là hành đức thành thực về Tự lợi, hai từ “Cụ túc Phật sát...” trở xuống là hành pháp chúng sanh thành thực về Lợi tha.

Phần một là Tự lợi có bốn câu:

- 1) Lìa chướng.
- 2) Thành tựu Thể.
- 3) Thành tựu Đức.
- 4) Thành tựu Dụng.

Phần hai trong Lợi tha có ba, đó là Thể-Đức-Dụng. Thể có mười

hai sự việc, theo đây có thể hiểu mà thôi. Hai, từ “Thiên Vương...” trở xuống trình bày về hành pháp quyền thuộc, có bốn có thể biết; ba, từ “Đắc thiện căn lực...” trở xuống phân rõ về nghĩa đầy đủ đức Tự-tha thành tựu không hư dối, có bốn câu.

Thứ hai là văn trùng tụng có hai: Một là sinh khởi, hai là kệ tụng. Kệ có hai mươi hai kệ: Bốn tụng đầu nhắc lại văn về đức thắng tiến trong phần vị Trú, trước Bồ-tát sơ phát tâm trước đây; tiếp theo từ “Vân hà...” trở xuống có bảy tụng, phần thứ hai “Bỉ Bồ-tát...” trở xuống là chính thức hỏi về Chánh hạnh ở thời gian trước trong phần vị thắng tiến; tiếp theo từ “Nhân hùng...” trở xuống có mười một tụng, từ “Thiện tai...” trở xuống là văn về quả đức Lợi tha ở thời gian sau. Ngay phần thứ hai từ “Vân hà...” trở xuống trong phần mình ở thời gian trước, đầu có ba kệ tụng về sáu câu Tự lợi trước đây, tiếp theo hai tụng về ba câu trong hạnh Lợi tha, tiếp theo một tụng về văn kiến lập, tiếp theo một tụng về quả hành thành tựu không hư dối.

Thứ hai trong phần đáp có hai: Trước là trường hàng, sau là kệ tụng. Văn trước có ba: Một, ca ngợi đã hỏi lợi ích nhiều cho lúc này, có ba có thể biết; hai, khuyên nhủ lắng nghe đồng ý tuyên thuyết; ba, từ “Phật tử thử Bồ-tát...” trở xuống là chính thức trả lời. Văn trả lời có hai: 1-Trả lời về Chánh hạnh phần mình ở thời gian trước trong phần vị thắng tiến; 2-Từ “Bồ-tát Ma-ha-tát nhược đắc thành tựu...” trở xuống trả lời về quả hành ở thời gian sau trong phần vị thắng tiến trước đây.

Văn phần 1 có một trăm bảy mươi câu, cũng có thể là một trăm tám mươi câu, có bốn: Một trăm mười câu đầu trả lời sáu câu đầu về hạnh Tự lợi trong mười một câu trước đây; tiếp theo bốn mươi câu trả lời ba câu về hạnh Lợi tha; tiếp theo mười câu trả lời về trú trì kiến lập, tiếp theo mười câu trả lời về thành tựu sự việc không hư dối.

Trong văn trả lời về Tự lợi, một trăm câu đầu trả lời về năm hạnh trước, mười câu sau trả lời về hạnh thứ sáu. Trong văn trả lời về năm hạnh trước, mỗi một hạnh đều trả lời có hai mươi câu. Trong hai mươi câu, mười câu trước là pháp tương ứng với tự hành, mười câu sau là pháp tu hành thắng tiến. Nói đầy đủ trí tuệ thanh tịnh..., là nhắc lại hạnh Tự lợi trước đây để sinh khởi về hạnh Lợi tha sau này, khiến cho thế lục nối liền nhau. Các văn mười câu đều có bốn:

- 1) Sinh khởi.
- 2) Hỏi.
- 3) Đáp.
- 4) Kết luận.

Cũng có lúc không nhất định, có thể dựa theo suy nghĩ. Lợi tha trước đây hỏi có ba câu, trong phần trả lời này có bốn mươi, cũng có thể là năm mươi câu. Phần này hai mươi câu đầu trả lời câu thứ nhất trong ba câu hỏi, tiếp theo mười câu không xả các Ba-la-mật trả lời về câu thứ hai trước đây, tiếp theo từ “Phật tử...” trở xuống là mười câu trả lời về câu thứ ba trước đây. Hai mươi câu trước cũng có thể là ba mươi câu: Năm câu đầu là biết căn khí thích hợp, tiếp theo mười câu là thuận theo các bệnh trao cho thuốc, tiếp theo mười lăm câu là thuận theo căn cơ trao cho pháp.

Nói về người thực hành có thể như vậy thì làm hưng thịnh Tam Bảo, có mười câu trả lời về trú trì kiến lập trong câu thứ mười. Trong này có hai: Đầu là tổng quát, sau là riêng biệt. Trong văn riêng biệt này phân bốn: Ba phần trước là riêng biệt, phần thứ tư là tổng quát. Văn ba phần trước, đầu là dựa vào giáo đạo, tiếp theo dựa vào chứng đạo, sau là dựa vào đạo không trú. Sáu hòa kính là thân-khẩu-ý nghiệp và kiến-giới-thí giống nhau. Từ “Bồ-tát như thị bất đoạn Tam Bảo...” trở xuống có mười câu, trả lời về hạnh thành tựu sự việc không hư dối trong câu thứ mười một về hạnh của phần mình trước đây, có ba: Một, mười câu phân rõ về hạnh thành tựu sự việc không hư dối, theo thứ tự trả lời năm câu trước; hai, có mười câu dùng đức để tự trang nghiêm, tức là trả lời câu không hư dối trước đây; ba, có mười câu bởi vì tự trang nghiêm cho nên có thể nhiếp hóa không hư dối, cũng cùng trả lời về một câu, ở trong pháp dụ gồm có ba văn.

Tiếp theo từ “Nhược đắc thành tựu...” trở xuống trong phần thứ 2 trả lời về hành của quả đức ở thời gian sau, có ba: Một, từ “Bồ-tát Ma-ha-tát...” trở xuống trả lời về pháp thực hành diệt trừ si ám thành thực quả đức trước đây, văn này có hai: Một là phân rõ về hạnh Tự thành thực, hai từ “Thứ đệ phương tiện...” trở xuống trình bày về hạnh Lợi sinh mà thôi; hai, từ “Ư đại chúng trung...” trở xuống là phân rõ về hạnh quyến thuộc; ba, từ “Thành tựu như thị thắng diệu pháp...” trở xuống là phân rõ về hạnh thành tựu không hư dối. Chỉ trừ ra Như Lai là lấy dưới vượt lên trên. Văn thứ ba là hạnh không hư dối, có ba: Một là thiết lập, hai là vận hỏi, ba là trả lời. Trong phần trả lời có mười một câu, sáu câu trước là nhân, năm câu sau là quả hành.

Thứ hai là trùng tụng, có hai: Một, trường hàng sinh khởi; hai, chính thức kệ tụng. Trong phần thắng tiến có hai mươi kệ, có hai: Mười ba tụng đầu là Duyên khởi của thời gian trước; bảy tụng sau là pháp hành của phần mình, quả đức thù thắng trong trả lời trước đây. Trong

mười ba tụng trước, sáu tụng rưỡi đầu là hạnh Tự lợi, ba tụng rưỡi tiếp theo là hạnh Lợi tha, một tụng tiếp theo là trú trì kiến lập, hai tụng cuối là thành tựu sự việc không hư dối. Trong bảy tụng sau, một tụng rưỡi đầu là quả Tự lợi và quả Lợi tha, ba tụng rưỡi tiếp theo là hạnh quyền thuộc, hai tụng cuối là hạnh thành tựu không hư dối.
